

Số: 1578 /QĐ-UBND

Huế, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-BXD ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3018/TTr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 18 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung; 06 TTHC bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng. (Có Danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC ngay sau khi Quyết định này được ký ban hành.

2. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn được Bộ Xây dựng công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Thay thế các TTHC có số thứ tự 1, 2, 11, 12, 13 và bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự 5, 7, 8, 9, 10 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

2. Thay thế các TTHC có số thứ tự 23, 24, 26 tại mục 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo quy định về phân cấp, phân quyền thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

3. Thay thế các TTHC có số thứ tự 49, 52, 55, 57, 58, 61, 62 và bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 48 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng thành phố Huế.

4. Thay thế các TTHC có số thứ tự 8, 10, 12 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung:

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
Lĩnh vực đường bộ:						
1	Công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa (1.009446)	- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa. - Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.				
2	Công bố hoạt động khu neo đậu (1.009449)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Sở Xây dựng
3	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (1.009459)	Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Xây	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		dụng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.				
4	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (1.009456)	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa. - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định	100.000 đồng/lần	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		công bố hoạt động cảng thủy nội địa.				
5	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng (1.009460)	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.	Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	UBND thành phố, Sở Xây dựng
6	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	động trên đường thủy nội địa (1.009463)					
7	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (1.009464)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Sở Xây dựng
8	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa (2.002615)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó: 03 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa. - Nghị định 161/2024/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành	UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	
9	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép (2.002616)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó: 02 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 01 ngày tại UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	UBND thành phố, Sở Xây dựng
10	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng (2.002617)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó: 01 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 01 ngày tại UBND thành phố).	Không			UBND thành phố, Sở Xây dựng
11	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (1.013466)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 03 ngày làm việc tại Sở Xây dựng;	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải	UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		02 ngày tại UBND thành phố).		ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	
12	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (1.013467)	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.		Sở Xây dựng
13	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (2.002624)	Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp (trong đó: 03 ngày làm việc tại Sở	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;	UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố).		Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	
14	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ (2.002625)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định (trong đó: 05 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.		UBND thành phố, Sở Xây dựng
15	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển (2.001802)	- Trong thời gian 07 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình (trong đó: 05 ngày làm việc tại Sở	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;	UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố). - Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình (trong đó: 02 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 01 ngày tại UBND thành phố).			- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	
16	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (1.009452)	- Thời hạn Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực (đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia) có văn bản trả lời: Trong thời hạn 02	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Thời hạn Cảng vụ Hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển): Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Thời hạn thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực (đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia), Cảng vụ Hàng hải (đối với trường hợp bến thủy			phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		nội địa trong vùng nước cảng biển).				
17	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009453)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Ủy ban nhân dân cấp xã
18	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009455)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	100.000 đồng/lần	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ:

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.000940)	Nghị quyết số 24/2026/NQCP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	UBND thành phố, Sở Xây dựng
2	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.007949)		UBND thành phố, Sở Xây dựng
3	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển (1.000892)		UBND thành phố, Sở Xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
4	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (2.000378)		UBND thành phố, Sở Xây dựng
5	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa (1.009445)		Sở Xây dựng
6	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.001998)		UBND thành phố, Sở Xây dựng

* **Ghi chú:** Các TTHC trong danh mục trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.